

ĐẶC ĐIỂM CỦA NGỮ ÂM TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NGỮ ÂM GIAI ĐOẠN SƠ CẤP

Phạm Thị Nghĩa Vân¹, Đinh Bích Thảo², Ngô Hoài Điệp³

Tóm tắt: Khi học bất kỳ một ngoại ngữ nào, thì ngữ âm luôn là một phần quan trọng trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc viết. Nắm chắc ngữ âm và phát âm chuẩn sẽ giúp sinh viên nghe hiểu tốt hơn và làm các bài tập điền từ, đặt câu chính xác hơn. Cho nên phần giới thiệu luyện tập ngữ âm thông thường sẽ luôn được thiết kế ở những bài đầu tiên của các giáo trình Hán ngữ cơ sở. Những quy tắc trong phiên âm khó nhớ, dễ nhầm lẫn như: Quy tắc biến điệu, quy tắc chính tả tương đối phức tạp, gây nhiều khó khăn trong giảng dạy và học tập, người học thường mắc những lỗi sai mang tính quy luật lặp lại nhiều lần, nếu không kịp thời sửa lỗi sẽ ảnh hưởng đến quá trình học các giai đoạn sau này. Trong bài viết này chúng tôi trình bày về đặc điểm ngữ âm tiếng Hán hiện đại, đồng thời thông qua sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phân tích, đối chiếu, so sánh để tiến hành khảo sát thực tế điều tra bằng bảng hỏi về một số vấn đề thực tiễn trong dạy học ngữ âm tiếng Hán trình độ sơ cấp ở khoa Tiếng Trung Quốc - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Trên cơ sở đó đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

Từ khóa: phiên âm tiếng Hán, phương pháp giảng dạy, giai đoạn sơ cấp.

1. MỞ ĐẦU

Tiếng Trung Quốc là một trong sáu thứ tiếng được sử dụng tại các cuộc họp của Liên Hợp Quốc và trong các văn bản chính thức của Liên Hợp Quốc. Hiện nay, tại Việt Nam, số lượng người học tiếng Trung Quốc ở các tỉnh thành đang ngày càng tăng lên, để đáp ứng xu thế đó, nhiều trung tâm ngoại ngữ và các trường đại học đã mở thêm các khoa, bộ môn tiếng Trung Quốc để không ngừng bồi dưỡng, đào tạo các cán bộ biên phiên dịch, đáp ứng nhu cầu cho các công ty, doanh nghiệp hay các tổ chức xã hội. Khi học một ngoại ngữ bất kỳ, thì ngữ âm luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu khi bắt đầu học tập, bởi “ngữ âm là cái vỏ vật chất của ngôn ngữ, là hình thức tồn tại của ngôn ngữ” [1, tr.95]. Đặc điểm của ngữ âm tương đối đa dạng phức tạp, nhiều quy tắc. Nắm chắc ngữ âm, phát âm trong giai đoạn đầu học tập sẽ làm tăng sự tự tin, hứng thú tạo động lực cho người học. Vì vậy phát âm tốt có vai trò vô cùng quan trọng đối với người học ngoại ngữ.

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

² Trường Đại học Công nghiệp

³ Trường Đại học Hà Nội

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tình hình nghiên cứu về ngữ âm tiếng Trung Quốc hiện đại

Thời Đông Hán (东汉-Dōng Hán, 25-225) trở về trước, người Trung Quốc đã có lối chú âm bằng cách dùng chữ đồng âm, gọi là *trực âm* (直音- zhí yīn). Trực âm là lối dùng chữ đồng âm để trực tiếp chú âm một chữ khác hay dùng những chữ có âm gần giống, gọi là *độc nhược* (读若-dú ruò), *độc như* (读如-dú rú) hay *độc vi* (读为-dú wéi). Nhưng lối trực âm không có chữ đồng âm thì không chú âm được, còn lối *độc nhược*, *độc như* hay *độc vi* thì có khuyết điểm là chú âm không chính xác. Thời Đông Hán, phép phiên thiết (反切-Fǎnqiè) đã xuất hiện. Theo Wang Li (1981), quy tắc cơ bản của Fǎnqiè là chú âm cho một chữ Hán dựa vào hai chữ Hán khác: Lấy thanh mẫu của chữ thứ nhất kết hợp với vận mẫu và thanh điệu của chữ thứ hai. Fǎnqiè là một cải tiến lớn so với phương pháp trực âm (直音-zhíyīn) và nó cũng là sự khởi đầu của âm vị học Trung Quốc. [6, tr.71]. Kể từ đó, phương pháp Fǎnqiè đã được sử dụng trong từ điển để chú giải các ký tự Trung Quốc.

Người Trung Quốc đã tạo ra Fǎnqiè để giúp biết chữ, đọc sách cổ, bảng chữ cái phiên âm được tạo ra để thống nhất cách phát âm của tiếng Quan Thoại và ký hiệu phiên âm của các ký tự Trung Quốc. “Khang Hy từ điển” đời nhà Thanh cũng dùng phương pháp Fǎnqiè để chú thích chữ Hán. Mặt khác, các nhà truyền giáo phương Tây cũng sử dụng các ký tự La Mã để đánh vần tiếng Hán cho việc truyền giáo của họ. Những người đầu tiên đánh vần tiếng Hán bằng các ký tự La Mã là nhà truyền giáo người Ý Matteo Ricci và nhà truyền giáo người Pháp, người Anh xuất bản từ điển Hán-Anh. Ngoài ra, các học giả Trung Quốc cũng có nhiều đóng góp trong việc đánh vần chữ Hán theo hệ thống thống chữ La Mã.

Năm 1958, Hệ thống pīnyīn của Chu Hữu Quang dựa trên một số hệ thống từ trước. Các âm vị được lấy cảm hứng từ chữ La Mã; các dấu hiệu dấu phụ đại diện các thanh điệu được lấy cảm hứng từ chú âm. Vào tháng 4 năm 1979, Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) ở Warsaw đã tổ chức một hội nghị công nghệ. Phát biểu thay mặt nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Chu Hữu Quang đề xuất việc sử dụng “Hệ thống pīnyīn Hán ngữ” là tiêu chuẩn Quốc tế cho tiếng Trung Quốc. Năm 1982, chương trình này đã trở thành tiêu chuẩn ISO 7098 sau một cuộc bỏ phiếu. Ngày 11 tháng 2 năm 1958 hệ thống này đã được thông qua tại Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc Trung Quốc. Phiên âm tiếng Trung Quốc là tập hợp các chữ cái La tinh biểu thị cách phát âm của chữ Hán. Bao gồm: Thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu. Hệ thống phiên âm được phê chuẩn vào năm 1958 và đã được áp dụng từ năm 1979 tại nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Từ đó tới nay, bảng pīnyīn được sử dụng rộng rãi, phổ biến trên khắp thế giới. Bảng pīnyīn trong thời đại hiện đại thay thế phần lớn các hệ thống Quốc ngữ cũ hơn như ký tự La Mã. Nó là

phương tiện chính cho hầu hết bộ gõ máy tính, điện thoại, không những thuận lợi cho người bản địa mà cả người nước ngoài học tiếng Trung Quốc.

Nghiên cứu của học giả Nguyễn Quang Hồng “*Âm tiết và loại hình ngôn ngữ*” chỉ rõ phép phiên thiết dùng chữ Hán để chú âm cho chữ Hán, nên nó thừa hưởng luôn tính chất vượt thời gian và vượt không gian của chữ Hán [3, tr.141]. Nhờ vậy nó có ưu điểm nổi bật là cách đọc chữ Hán có thể linh hoạt theo từng hệ thống ngữ âm khác nhau biến thiên theo thời gian và không gian. Nó cho phép dùng một hệ thống chú âm duy nhất mà bao quát được một loạt phương ngữ và những diễn biến lịch sử của ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc.

Trần Thị Kim Loan trong Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài, Tập 33, Số 1 (2017) [5, tr.50-59] *Ngữ âm tiếng Hán hiện đại ở Trung Quốc đại lục và Đài Loan: Một vài điểm khác biệt*: Thông qua phương pháp thống kê từ điển và ngữ âm học thực nghiệm chỉ ra những điểm khác biệt cụ thể về mặt ngữ âm của tiếng Hán hiện đại được sử dụng ở Trung Quốc đại lục và Đài Loan. Kết quả cho thấy, ngữ âm tiếng Hán ở Trung Quốc đại lục và Đài Loan tồn tại một số sự khác biệt rõ rệt cả về thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu. Nguyên nhân của sự khác biệt này là do tiếng Đài Loan bị ảnh hưởng của các phương ngữ địa phương (tiếng Khách Gia, tiếng Mân Nam...), do ảnh hưởng của thói quen, văn hóa, giáo dục ở đây và cũng là do tiếng Đài Loan hiện vẫn bảo lưu nhiều âm đọc cổ v.v... Kết quả nghiên cứu của bài viết sẽ giúp cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc có sự hiểu biết hơn về sự khác biệt trên bình diện ngữ âm của tiếng phổ thông Trung Quốc và tiếng Đài Loan, khắc phục được những trở ngại trong nghiên cứu, giao tiếp và học tập.

Trần Linh Hương Giang (2015) trong bài báo *Phương pháp giảng dạy ngữ âm tiếng Hán giai đoạn sơ cấp cho sinh viên Việt Nam* [2, tr.63] đã chỉ ra những lỗi sai của sinh viên Việt Nam khi học ngữ âm giai đoạn sơ cấp và các phương pháp giảng dạy nhằm giúp sinh viên khắc phục được các lỗi sai đó; Trịnh Thị Thu Hương (2017) trong *Phân tích lỗi sai của sinh viên khoa ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên khi học âm cuốn lưỡi trong tiếng Hán và những kiến nghị trong dạy-học* [4, tr.28-29] đã thông qua việc tìm hiểu những khó khăn của người học khi học âm uốn lưỡi, chỉ ra các nguyên nhân, từ đó đưa ra các kiến nghị trong giảng dạy; Lại Thị Mỹ Hương (2020) trong bài nghiên cứu *Vai trò của trò chơi ngôn ngữ trong việc học tiếng Trung sơ cấp tại trường Đại học Quảng Bình* đã đề cập đến việc vận dụng một số trò chơi ngôn ngữ và vai trò của chúng trong quá trình giảng dạy ngữ âm và chữ Hán sơ cấp tại trường Đại học Quảng Bình, nhằm đánh thức niềm đam mê và hứng thú học tập của sinh viên; Lưu Huyền Trang (2021) trong bài nghiên cứu *Một số lỗi giao thoa ngôn ngữ của sinh viên Trung Quốc học tiếng Việt (nghiên cứu trường hợp tại khoa Việt Nam học, Đại học Hà Nội)* đã trình bày một số lỗi giao thoa ngôn ngữ khi dùng từ của sinh viên Trung Quốc học tiếng Việt tại khoa Việt Nam học, Đại học Hà Nội và đưa ra một số dạng bài tập nhằm khắc phục những hạn chế đó. Tuy

nhiên, cho đến nay các học giả nghiên cứu về ngữ âm còn chưa đầy đủ toàn diện và chưa cụ thể nào về việc dạy và học ngữ âm của sinh viên học tiếng Hán giai đoạn sơ cấp. Trong quá trình giảng dạy tiếng Trung Quốc cho các sinh viên trình độ sơ cấp, chúng tôi nhận thấy sinh viên còn gặp nhiều vấn đề khi học ngữ âm và phát âm tiếng Hán. Với mục đích giúp các sinh viên khoa Tiếng Trung Quốc, Trường ĐHSP Hà Nội 2 nắm chắc lý thuyết ngữ âm, phát âm đúng với cách phát âm của người Trung Quốc, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm đưa ra những đặc điểm hệ thống ngữ âm tiếng Trung Quốc, những lỗi phát âm sai thường gặp của sinh viên Việt Nam, tìm nguyên nhân và từ đó đưa ra những đề xuất trong giảng dạy ngữ âm tiếng Hán hiện đại trình độ sơ cấp ở các trường đại học.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu là nhằm điều tra thực trạng và tìm ra phương pháp nâng cao khả năng học ngữ âm của sinh viên chuyên ngữ, nên đối tượng nghiên cứu là nghiên cứu đặc điểm ngữ âm tiếng Hán hiện đại và phương pháp dạy học ngữ âm giai đoạn sơ cấp. Đây là đối tượng quan trọng của đề tài nghiên cứu nhằm đánh giá phần nào hiệu quả của việc bắt đầu tiếp cận với việc học ngôn ngữ mới.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết này chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính là khảo sát, điều tra, phân tích để tiến hành nghiên cứu, chúng tôi đã tiến hành khảo sát việc học ngữ âm tiếng Trung Quốc trình độ sơ cấp khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 thông qua những nguồn tư liệu sau:

- + Tài liệu điều tra trắc nghiệm: Phát ra 135 phiếu điều tra, thu về 135 phiếu.
- + Phân tích các dạng bài tập ngữ âm và một số câu hỏi khảo sát tiến hành tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 để tìm hiểu khó khăn trong việc học ngữ âm giai đoạn sơ cấp, những lỗi sai sót thường gặp trong quá trình học.
 - Dựa vào kết quả điều tra và phân tích các dữ liệu thu được, chúng tôi tiến hành đánh giá việc học, tiếp thu ngữ âm trong giai đoạn đầu học tiếng Trung Quốc và đưa ra kết luận.
 - Cuối cùng chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm giảm thiểu các lỗi ngữ âm của sinh viên Việt Nam khi học tiếng Trung Quốc và nâng cao khả năng phát âm đúng cho sinh viên.

2.4. Cơ sở lý luận

2.4.1. Khái niệm ngữ âm và ngữ âm học

2.4.1.1. Ngữ âm

Ngay từ thời cổ đại, loài người đã biết dùng ngôn ngữ để giao tiếp với nhau, nhưng thời điểm đó ngôn ngữ mới chỉ tồn tại ở dạng âm thanh. Trong ngôn ngữ học, các nhà ngôn ngữ gọi hình thức âm thanh của ngôn ngữ là ngữ âm.

Theo Cao Wen (2022) trong *giáo trình ngữ âm Hán Ngữ* (汉语语音教程) có nêu: “Ngữ âm là âm thanh của ngôn ngữ. Hay nói cách khác ngữ âm là âm thanh khi mọi người nói chuyện, được phát ra từ cơ quan phát âm, nhằm biểu đạt ý nghĩ và ý nghĩa nhất định, đồng thời dùng để giao tiếp với người khác.” [7, tr.6]

Theo Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Ngọc Phiến trong *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt* có định nghĩa: “Ngữ âm là cái vô vật chất của ngôn ngữ, là hình thức tồn tại của ngôn ngữ.” [1, tr.95]

Từ hai định nghĩa trên có thể thấy ngữ âm chính là mặt âm thanh của ngôn ngữ, làm nên tính hiện thực của ngôn ngữ. Tuy nhiên trong thực tế không phải bất kỳ âm thanh nào do con người phát ra cũng được coi là ngữ âm, những âm thanh không phải là phương tiện biểu đạt của ngôn ngữ như tiếng ho, nấc... không được coi là ngữ âm.

2.4.1.2. Ngữ âm học

Nói ngắn gọn, *ngữ âm học chính là khoa học nghiên cứu mặt ngữ âm của ngôn ngữ*. [1, tr 68-tr69]. Nhưng khác với các ngành khoa học khác, đối tượng nghiên cứu của ngữ âm học là các dòng âm thanh cụ thể, nhiệm vụ của ngữ âm học còn phải nghiên cứu các đơn vị ngữ âm, các nguyên tắc tổ chức và kết hợp ngữ âm. Ngoài ra, ngữ âm học còn nghiên cứu cả chữ viết - một phương tiện ghi lại ngôn ngữ bằng văn tự. Ngữ âm học được phân thành ngữ âm học đại cương và ngữ âm học cục bộ. Ngữ âm học đại cương nghiên cứu những quy luật ngữ âm chung cho tất cả các ngôn ngữ trên thế giới (quy luật kết hợp, quy luật biến đổi, phát triển của các âm...), những nguyên lý cấu tạo chung của các âm (như nguyên lý cấu tạo nguyên âm, phụ âm), những phương pháp nghiên cứu ngữ âm, lý luận chung về cách viết và chính tả... Ngữ âm học cục bộ nghiên cứu ngữ âm của một ngôn ngữ cụ thể, ví dụ ngữ âm tiếng Anh, ngữ âm tiếng Việt, ngữ âm học cục bộ có thể chia nhỏ thành: Ngữ âm học miêu tả nghiên cứu ngữ âm ở trạng thái hiện đại (đương đại) của nó, ví dụ ngữ âm học tiếng Pháp hiện đại, ngữ âm học tiếng Nga hiện đại; ngữ âm học lịch sử nghiên cứu quá trình phát triển lịch sử của hệ thống ngữ âm, ví dụ quá trình blời - giời - trời... trong tiếng Việt.

2.4.2. Đặc điểm ngữ âm tiếng Trung Quốc hiện đại

2.4.2.1. Thanh mẫu

Thanh mẫu chính là phần phụ âm phía trước trong âm tiết tiếng Hán, bao gồm tổng cộng 21 thanh mẫu (声母- shēngmǔ).

- Nhóm 1: Âm 2 môi (双唇音-shuāng chún yīn) : b, p, m

- Nhóm 2: Âm môi răng (唇齿音-chún chǐ yīn): f
- Nhóm 3: Âm đầu lưỡi giữa (舌尖中音-shé jiān zhōng yīn) : t, d, n, l
- Nhóm 4: Âm cuống lưỡi (舌根音- shé) : g, k, h
- Nhóm 5: Âm mặt lưỡi (舌面音- shé miàn yīn) : j, q, x
- Nhóm 6: Âm đầu lưỡi trước (舌尖前音- shé jiān qián yīn) : z, c, s, r
- Nhóm 7: Âm phụ kép cuống lưỡi (舌尖后音- shé jiān hòu yīn) : zh, ch, sh

2.4.2.2. Vận mẫu

Vận mẫu là phần vận, thành phần cơ bản của một âm tiết tiếng Trung Quốc. Vận mẫu bao gồm 6 vận mẫu đơn, 13 vận mẫu kép, 8 vận mẫu mũi trước, 8 vận mẫu mũi sau.

- Vận mẫu đơn (单韵母- dān yùn mǔ) : a, o, e, i, u, ü
- Vận mẫu kép (复韵母-fù yùn mǔ) : ai, ei, ao, ou, ia, ie, iao, iou, ua, uo, uai, uei, üe
- Vận mẫu mũi trước (前鼻韵母-qián bí yùn mǔ) : an, ian, uan, üan, en, ien, uen, üen
- Vận mẫu mũi sau (后鼻韵母-hòu bí yùn mǔ) : ang, iang, uang, eng, ieng, ueng, ong, iong

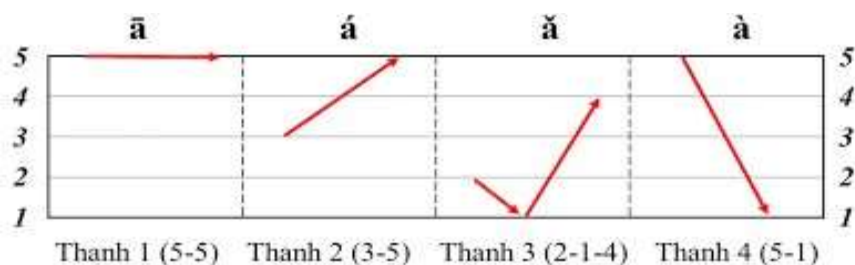
2.4.2.3. Thanh điệu

Thanh điệu 声调: Là hình thức biến hoá cao-thấp-dài-ngắn của một âm tiết. Trong tiếng Trung Quốc, một chữ Hán đại diện cho một âm tiết, vì thế thanh điệu còn được gọi là “tự điệu”.

Phân loại

Tiếng Trung Quốc có 4 thanh điệu, thanh điệu khác nhau, ý nghĩa được biểu đạt cũng có thể khác nhau.

Bảng 1: Sơ đồ thanh điệu



Quy tắc viết thanh điệu: Thanh điệu được viết trên nguyên âm chính của âm tiết (là

nguyên âm khi phát âm phải mở to miệng, âm phát ra phải rõ ràng). Quy tắc biến điệu trong tiếng Trung Quốc: Sinh viên cần học các quy tắc biến điệu trong tiếng Trung Quốc để đọc các từ không bị nhầm lẫn biến điệu của thanh 3, sự biến đổi thanh điệu của 一 (yī), nửa thanh thứ 3 và cách phát âm âm cuốn lưỡi “ér” .

+ Khi các vận mẫu “i, in, ing” đứng độc lập tạo thành một âm tiết thì phải thêm y đằng trước i → yi (衣) ; in → yin; (因) ; ing → ying (英) .

+ Đối với các vận mẫu mở đầu bằng “i” như “ia, ie, iao, iou, iang, iong” khi trở thành một từ có nghĩa thì phải đổi i thành y và thêm thanh điệu.

ia → ya (呀) ; ie → ye (耶) ; iao → yao (腰)

iou → you (忧) ; iang → yang (央) ; iong → yong (雍)

+ Khi các vận mẫu “ü, üe, üan, ün” đứng độc lập tạo thành một âm tiết thì bỏ dấu chấm phía trên “u”, thêm y đằng trước và thêm thanh điệu.

ü → yu (迂) ; üe → yue (约) ; üan → yuan (冤) ; ün → yun (晕)

+ Khi các vận mẫu “ü, üe, üan, ün” ghép với các âm “j, q, x” thì bỏ hai dấu chấm trên chữ ü, nhưng vẫn giữ nguyên cách phát âm.

jü → ju

qü → qu

xü → xu

jüe → jue

qüe → que

xüe → xue

+ Khi các vận mẫu “ü, üe, üan, ün” ghép với l và n thì để nguyên hai dấu chấm trên đầu:

Ví dụ: nü, nüe, lü, lüe.

+ Khi các vận mẫu “ua, uo, uai, uan, uang, uei, uen, ueng” đứng độc lập tạo thành âm tiết thì phải đổi chữ “u” thành “w” và thêm thanh điệu. Riêng nguyên âm ü khi đứng một mình thì phải thêm w vào phía trước, ví dụ: wu (乌), wa (蛙), wo (窝), wai (歪), wei (威), wan (弯), wen (温), wang (汪), weng (翁).

+ Đối với các vận mẫu “iou, uei, uen” khi ghép với một thanh mẫu thì bỏ o, e nhưng vẫn giữ nguyên cách phát âm q + iou → qiú; qiū, niú, jiú, liú, ruì, lún, dùn; niú (牛); guī (归); lùn (论).

+ Những danh từ riêng như: Tên người, địa danh, cơ quan, đoàn thể, đảng phái... đều phải viết hoa chữ cái đứng đầu và chữ cái đứng đầu mỗi câu, mỗi đoạn phải viết hoa, ví dụ: Běijīng, Lín lǎoshī, Hànyǔ.

2.4.3. Kết quả nghiên cứu và đề xuất

2.4.3.1. Kết quả nghiên cứu

Qua điều tra về nội dung phát âm tiếng Hán, chúng tôi đã phát cho 135 sinh viên để đánh giá, bảng hỏi về lỗi thường mắc phải khi học chữ Hán giai đoạn sơ cấp, hỏi về những quy tắc đã học trong phát âm. Chúng tôi thu nhận được kết quả như sau: 38,5% cảm thấy thanh mẫu z, c khó phát âm, 22,2% cho rằng khó phát âm thanh 1 và thanh 4; 8,9% cho rằng khó phát âm thanh nhẹ; âm uốn lưỡi 7,4%; 23% ý kiến cho rằng tất cả các âm trên đều khó phát âm.

Bảng 2: thống kê tỉ lệ sinh viên cho rằng những âm khó phát âm trong tiếng Trung Quốc

| | |
|--------------------------|-------|
| Thanh mẫu z, c | 38,5% |
| Thanh 1 và thanh 4 | 22,2% |
| Thanh nhẹ | 8,9% |
| Âm uốn lưỡi | 7,4% |
| Tất cả các phần nói trên | 23% |

Quy tắc vận mẫu “ü, üe, üan, ün” khi ghép với “j, q, x” phần phát âm sẽ bỏ hai chấm trên chữ “u”, nhưng vẫn giữ nguyên cách phát âm. Quy tắc này trong tình huống thực tế bạn đã vận dụng đúng chưa? Trả lời câu hỏi này có đến 91,9% sinh viên trả lời thành thạo vẫn còn phát âm sai.

Quy tắc đánh thanh điệu bạn đã nắm vững và vận dụng đúng chưa? Có 76,7% trả lời sau khi học xong không hoàn toàn nắm vững được.

Nhận xét: Qua bảng trên có thể thấy, khi học tiếng Trung Quốc sinh viên sẽ gặp nhiều khó khăn nhất trong việc phát âm các thanh mẫu âm đầu lưỡi trước z, c thanh 1, thanh 4 hay thanh nhẹ, nguyên nhân dẫn đến việc này có thể gồm các lý do sau:

Một là do ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ: Khi sinh viên phát âm không chuẩn xác các thanh nói trên chủ yếu do ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ. Trong tiếng Việt không có thanh 1, thanh 4 hay thanh nhẹ, không có thanh mẫu z, nên sinh viên khó có thể phát âm chuẩn xác như người bản địa.

Hai là do phương pháp giảng dạy: Trong giai đoạn đầu học phát âm, nhiều giảng viên sẽ sử dụng các thanh điệu tương tự trong tiếng Việt để thay thế cho tiếng Trung Quốc, ngoài ra giảng viên không kết hợp phân tích lý thuyết về ngữ âm, vì vậy sinh viên dễ mắc lỗi khi nghe hiểu và phát âm.

2.4.3.2. Đề xuất giải pháp

Qua bảng khảo sát về những lỗi sai thường, để khắc phục những khó khăn trong giảng dạy và cải thiện tình hình học tập của sinh viên chúng tôi chúng tôi có một số kiến nghị trong giảng dạy:

- Tập trung vào việc dạy sinh viên nắm chắc bảng phiên âm (pīnyīn) tiếng Trung Quốc để phân biệt các âm, các quy tắc viết tắt quy tắc thanh điệu để tạo nền tảng cho giai đoạn học về sau. Hiện nay, việc đổi mới hình thức giảng dạy truyền thống truyền thụ sang phương pháp dạy hiện đại thông qua các minh họa sinh động thể hiện cả âm thanh và hình ảnh đang dần được coi trọng, khi dạy cần chú ý: Trước hết, để sinh viên nắm vững các phần phát âm và cách phát âm của thanh mẫu, vận mẫu tiếng Trung Quốc, đồng thời việc dạy nên tiến hành theo trình tự sắp xếp theo giáo trình, giảng viên nên nhóm các nhóm âm vào để việc dạy và học dễ dàng và đạt hiệu quả tốt hơn đồng thời kết hợp sửa các phương ngữ, thanh mẫu và vận mẫu bị ảnh hưởng tiếng mẹ đẻ khi học phát âm để tránh những sai sót.

- Khi giảng dạy không dạy đơn lẻ cho đọc từng thanh mẫu, mà một thanh mẫu nên có các chữ phiên âm tương ứng, đồng thời một phiên âm được ghép với một hình ảnh. Các hình này đã được cải tiến, mới lạ, sinh động, có những hình vừa thể hiện được âm thanh, vừa thể hiện được hình ảnh, khi dạy học chúng tôi vận dụng đặc điểm để khơi gợi trí tưởng tượng, giúp sinh viên ghi nhớ lâu hơn bằng cách nhìn vào hình ảnh.

- Chú ý đến việc dạy nắm vững các âm tiết: Thành thạo cách đánh vần các âm tiết là mục tiêu cuối cùng của việc dạy ngữ âm. Chỉ bằng cách này, tác dụng đa chức năng của dạy ngữ âm mới có thể được phát huy đầy đủ. Pīnyīn là một điểm quan trọng và khó khăn trong giảng dạy. Đối với vận mẫu ghép, chúng tôi sử dụng công thức “thanh mẫu nhẹ và ngắn, vận mẫu nặng, hai âm gắn liền với nhau” để hướng dẫn sinh viên luyện tập lặp đi lặp lại; mấu chốt của dạy học ngữ âm nằm ở “sự liên quan”. Đọc các thanh mẫu trước, đồng thời đọc nhẹ và ngắn, sau đó đọc các phụ âm trung gian, cuối cùng đọc nguyên âm, để chúng có thể chuyển đổi nhanh chóng và khớp với nhau chặt chẽ. Trong quá trình luyện tập, chúng tôi dự kiến chọn một số âm như ie, ui, ün, ing làm âm cuối và so sánh với -ia, -uo, -iao và các âm trung gian khác để sinh viên dần nắm được các phương pháp phiên âm khác nhau của mình, để tránh nhầm lẫn.

2.4.4. Phương pháp dạy học ngữ âm tiếng Trung Quốc giai đoạn sơ cấp

Như ở trên chúng tôi đã trình bày ngữ âm là một phần quan trọng trong dạy học tiếng Trung Quốc nhất là giai đoạn sơ cấp, chất lượng học ngữ âm ảnh hưởng trực tiếp đến việc học tập trong giai đoạn tiếp theo. Chính vì vậy về phương pháp giảng dạy được cải tiến tích cực và hợp lý theo tâm lý học tập, để biến việc dạy phiên âm từ nhàm chán có thể trở

nên sinh động và sống động, tạo động lực bên trong mạnh mẽ, thú vị và hiệu quả. Cụ thể một số phương pháp chúng tôi đề xuất:

Một là. Phương pháp trình diễn thị phạm, quan sát, mô phỏng và bắt chước: Giảng viên trình diễn cách phát âm, cho sinh viên quan sát kỹ hình dạng miệng và vị trí lưỡi, trải nghiệm phương pháp phát âm. Đồng thời có thể giải thích kết hợp với bản đồ phân phát âm. Chẳng hạn như dạy phát âm zh, khi sử dụng phương pháp trình diễn: Giảng viên sử dụng điệu bộ, đồ dùng dạy học để làm các động tác cần thiết thể hiện động tác hoặc đặc điểm phát âm của các phần phát âm. Chẳng hạn như giọng điệu, uốn lưỡi, âm mũi trước và mũi sau; phương pháp mô phỏng, trọng tâm là dạy sinh viên cách phát âm thực hành lặp đi lặp lại, vì học ngoại ngữ là quá trình bắt trước và chúng ta bắt trước càng giống càng tốt. Nếu khẩu hình để sai dẫn đến phát âm âm đó cũng bị sai: Ví dụ: bā - bá -bǎ -bà, trước tiên cho sinh viên phát âm phụ âm đầu b, sau đó dùng phương pháp đọc nối tiếp, âm trước nhẹ ngắn, âm nặng sau, luyện tập lâu dần sẽ thành thạo phương pháp này. Đây là phương pháp dạy ngữ âm quan trọng nhất và được sử dụng phổ biến nhất. Cần nhấn mạnh vào việc thị phạm cho sinh viên quan sát và yêu cầu mô phỏng.

Hai là. Phương pháp so sánh: Đặt hai hay nhiều âm đầu và âm tổ cạnh nhau để so sánh sự giống và khác nhau về âm, hình b-p; c-ch; z-zh.

Ba là. Phương pháp phóng đại: Để làm nổi bật đặc điểm của phát âm, đôi khi các cử động của miệng, môi và lưỡi được cố ý phóng đại và đôi khi âm thanh được cố ý kéo dài và nhấn mạnh, theo cách này, sinh viên sẽ có ấn tượng sâu sắc hơn và hiểu các đặc điểm của phát âm dễ dàng hơn. Chẳng hạn như: b-p ai; phân phát âm bật hơi và không bật hơi b-p; 棒 (bàng)-胖 (pàng); 爸 (bà)-怕 (pà); 拔 (bá)-爬 (pá).

Bốn là. Phương pháp phân tách: Sử dụng hình ảnh minh họa để vẽ câu, phân tách từ trong câu, phân tách âm tiết từ từ, cuối cùng phân tách âm và vần từ âm tiết để giảng dạy. Chẳng hạn như: b, cần chiếu sơ đồ để so sánh thanh điệu tiếng Việt và tiếng Trung Quốc.

Năm là. Dạy hỗ trợ:

- Trò chơi: Trò chơi có thể biến việc dạy ngữ âm nhằm chán thành một thứ mà sinh viên vô cùng yêu thích. Nó phù hợp với đặc điểm tâm lý của sinh viên trình độ sơ cấp, để các em vui vẻ học tập, dễ ghi nhớ rất được sinh viên ưa chuộng.

- Bài hát phiên âm. Các bài hát phiên được sinh viên yêu thích bởi tính bắt tai, dễ hiểu. Trong giảng dạy, chúng tôi nắm vững một đặc điểm là đưa vào lớp học một số lượng lớn các bài hát, biến các bài hát này trở thành một phương pháp hữu hiệu để nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Trung Quốc. Ví dụ, khi học “a, o, e”, giảng viên dạy sinh viên đọc đồng dao: “Há miệng to a a a, miệng tròn o o o, miệng bẹt e e e”. Sinh viên vừa quan sát vừa học thuộc âm a, o, e. Khi dạy: j, q, x được kết hợp với ǖ, lời giải thích có thể được thuật lại dưới dạng một câu chuyện kể: Người bạn vận mẫu ǖ của chúng ta rất lễ phép khi gặp thanh mẫu j, q, x bỏ mũ ra để chào.

- Sử dụng đồ dùng dạy học trực quan, hình ảnh. Dưới góc độ tâm lý học các em sinh viên trình độ sơ cấp mới tiếp xúc tiếng Trung Quốc, tư duy trừu tượng của sinh viên còn yếu, khi học các chữ cái trừu tượng thường không chú ý, cần một tác nhân kích thích bên ngoài để tập trung, kết hợp giữa các chữ cái vô nghĩa và hình ảnh trực quan thu hút sự chú ý của sinh viên, giúp sinh viên dễ nhớ cách phát âm, hình dạng của các chữ cái, nhờ đó hiệu quả dạy học sẽ gấp đôi mà công sức bỏ ra chỉ bằng một nửa. Vì vậy, trên lớp, giảng viên tận dụng triệt để các biểu đồ treo tường, tranh minh họa trong sách giáo trình để thu hút sự chú ý của sinh viên, sau đó cho sinh viên quan sát kỹ để tìm ra điểm giống nhau giữa phonetic và tranh ảnh, đồng thời kết hợp trí nhớ có chủ định với trí nhớ vô thức. Sử dụng tờ giấy, ký tự mới, dán giấy ghi nhớ khi dạy các âm bật hơi... Nếu các em muốn học phiên âm một cách chắc chắn, các em cần phải thực hành nhiều hơn, học nó trong cuộc sống và sử dụng nó trong cuộc sống, giảng viên cũng có thể dán thẻ có ghi phiên âm lên tường phía cuối lớp, hoặc góc bảng ... của lớp học.

- Thiết kế các dạng bài tập cho sinh viên luyện tập rất quan trọng vì trong phần khảo sát khi được hỏi bạn thích luyện tập thực hành ngữ âm qua phương pháp nào? 1. Làm các bài tập tự luận, luyện đọc, luyện viết nhiều lần chiếm 25,2 %; 2. Làm các dạng bài tập trắc nghiệm nhiều lựa chọn, thêm hình ảnh sinh động chiếm 46,7%; 3. Thích các hình thức luyện tập khác chiếm 28,1% . Trong câu hỏi này chiếm đến 46,7% sinh viên trả lời thích học tập ngữ âm thông qua làm các dạng bài tập trắc nghiệm nhiều lựa chọn, thêm hình ảnh sinh động.

Các hình thức khác: Chú ý đến sự kết hợp giữa đọc và viết, củng cố khả năng thông thạo tiếng Trung Quốc. Các hình thức đọc được sử dụng đa dạng: Tự đọc, đọc to, đọc thành tiếng, đọc theo nhóm, luân phiên nam nữ, trích dẫn, luyện các đoạn khẩu lệnh để cải thiện cách phát âm tiếng Trung Quốc; tận dụng triệt để sách giáo khoa tự đọc để nuôi dưỡng hứng thú đọc sách; đọc tài liệu đọc tiếng Trung Quốc và phát triển các cuộc thi lòng tiếng, kể chuyện.

- Nói chuyện với người bản địa Trung Quốc thông qua giao tiếp trực tiếp hoặc các phần app chat, đồng thời ghi lại các cuộc nói chuyện, tự xem lại, tự luyện cách phát âm hoặc quay video khẩu âm của bản thân, cho sinh viên luyện tập các bài tập ngữ âm trên Liveworksheets, *game trên Quizizz*, phiếu bài tập trên Google Forms trực tuyến tận dụng tối đa các kỹ năng công nghệ mới được áp dụng cho giáo dục, bao gồm âm thanh, video, bài tập ghép câu, ghép từ, lựa chọn đáp án đúng trong kỹ năng nghe, nói, đọc, viết có sử dụng hình thức mũi tên hoặc kéo và thả, hoặc bài tập có nhiều đáp án lựa chọn, lồng ghép, tích hợp các kỹ năng trên một phiếu bài tập tiện lợi, hình ảnh âm thanh sinh động.

- Sử dụng phần ghi âm của Google để tự kiểm tra, các kênh, các app dạy phát âm chuẩn, luyện nghe tiếng Trung Quốc chuẩn, nhờ giảng viên hoặc người bản địa sửa âm hoặc tự sửa âm cho mình khi qua các đoạn ghi âm, nghe lại và ghi chép lại.

Tóm lại, giảng viên cần sắp xếp một cách khoa học các quy trình và thời gian dạy phát âm âm tiết, để cải thiện các lỗi sai thường mắc cần luyện tập bằng nhiều phương pháp khác nhau từ những kiến thức đã học được, đồng thời sẽ được củng cố trong quá trình luyện âm tiết, ngoài ra để đạt được hiệu quả giảng viên cần nắm được điểm mấu chốt, vượt qua được khó khăn, quy tắc dạy học, có phương pháp dạy học phù hợp sẽ đạt được kết quả tốt.

3. KẾT LUẬN

Ngữ âm đóng vai trò quan trọng trong việc học ngoại ngữ nói chung và tiếng Trung Quốc nói riêng. Nếu sinh viên khi học tập tiếng Trung Quốc chỉ tập trung vào việc học từ vựng, cú pháp và kiến thức văn hóa, nhưng ngữ âm nắm không chắc, phát âm không chuẩn xác sẽ làm giảm đáng kể hiệu quả trong giao tiếp. Hiện nay, trong nhiều tiết học ngữ âm chưa được coi trọng, ngoài ra, sinh viên học tập thiếu môi trường giao tiếp, động cơ học tập và phương pháp giảng dạy của giảng viên, do vậy, dựa trên kết quả điều tra nghiên cứu, chúng tôi đưa ra đề xuất, kiến nghị về thay đổi phương pháp giảng dạy ngữ âm, lựa chọn dạng bài tập thích hợp, mang lại không khí học tập cho sinh viên sẽ góp phần cải thiện đáng kể năng lực tiếp thu môn ngữ âm tiếng Trung Quốc. Bên cạnh đó, giảng viên cũng luôn không ngừng trau dồi, hoàn thiện khả năng nghe nói, nắm chắc quy luật phát âm của tiếng Trung Quốc, luôn đổi mới, cải thiện phương pháp giảng dạy của bản thân để việc nâng cao chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả như mong muốn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Ngọc Phiến (1997), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Trần Linh Hương Giang (2015) *Phương pháp giảng dạy ngữ âm tiếng Hán giai đoạn sơ cấp cho sinh viên Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục kì 2 tháng 2. [5, tr.2-5].
3. Nguyễn Quang Hồng (1994), *Âm tiết và loại hình ngôn ngữ*, [3, tr.141] Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Trịnh Thị Thu Hương (2017) *Phân tích lỗi sai của sinh viên khoa ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên khi học âm cuốn lưỡi trong tiếng Hán và những kiến nghị trong dạy-học*, Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa, tập 1, số 3. [6, tr.28-29].
5. Trần Thị Kim Loan (2017) Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài, *Ngữ âm tiếng Hán hiện đại ở Trung Quốc đại lục và Đài Loan: một vài điểm khác biệt*, Tập 33, Số 1 [tr.50-59].
6. Wang Li (1981) *Âm vị học Trung Quốc*, Nxb Ngôn ngữ Văn hóa Bắc Kinh.
7. 曹文(2002) 汉语语音教程，北京语言出版社，6页.

A STUDY OF THE FEATURES OF CHINESE PHONETIC AND TEACHING APPROACH

Pham Thi Nghia Van, Dinh Bich Thao, Ngo Hoai Diep

Abstract: *Phonetic plays an important while we learning foreign language because the phonetic is the key in speaking, writing and reading. Students can learn the writing and speaking more effectively if they can learn the phonetic well. Due to the important role of phonetic while student want to learn foreign language, most of language textbooks arrange the phonetic as the first section for the beginner, so does Chinese textbook.*

Currently, most of Chinese textbooks don't have the clear description in phonetic learning this section, which makes students have many difficult in learning Chinese phonetic. It also makes teachers not effective while they teaching. In order to solve these problems, this research will apply the quantitative method to find the problems those students meet in learning Chinese phonetic. The result will be analyzed and help teachers to improve their teaching approach while they teaching Chinese phonetic.

Keywords: *Chinese phonics, teaching approach, beginning learner.*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 22-3-2023; ngày phân biện đánh giá: 11-4-2023; ngày chấp nhận đăng: 01-5-2023)